

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2026
Về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Văn Nhạ

Ông Võ Quốc Linh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Đức Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2025/HNGĐ-ST ngày 13/10/2025 về việc “Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 09/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày: 11/6/1999, nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042199000507; vắng mặt, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh ngày: 08/9/1998, nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042098007516, hiện đang lao động tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Người tham gia tố tụng khác: Bà Đậu Thị B, sinh năm: 1964, địa chỉ: Thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, ngày 22/6/2022 chị Trần Thị H, anh Trần Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 31/2022. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Anh V thường xuyên đi lao động tại nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào, không quan tâm đến vợ con. Tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn sự quan tâm, chia sẻ, ly thân năm 2023. Đến nay, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con chung: Chị Trần Thị H, anh Trần Văn V có 01 (một) con chung là Trần Mạnh H1, sinh ngày: 19/02/2023. Chị H yêu cầu Toà án giao cho chị quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân qua người thân thích của đương sự đang lao động ở nước ngoài, tuy nhiên bà Đậu Thị B, ông Trần Văn T là cha mẹ đẻ của anh V không hợp tác làm việc, từ chối cung cấp địa chỉ, thông tin của anh B cũng như không nhận văn bản tố tụng của Toà án.

Tại văn bản số 01/CAX-CSKV, ngày 30/12/2025, Công an xã X, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận: Anh Trần Văn V, sinh năm: 1998, hiện đăng ký thường trú tại thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh nhưng vắng mặt vì đang đi lao động ở nước ngoài (CHDCND L).

Tại Biên bản xác minh ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã C có nội dung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn V đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh nhưng không đăng ký thường trú tại địa phương nên chính quyền không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn cũng như vấn đề con chung. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H. Tuyên xử chị Trần Thị H và anh Trần Văn V ly hôn. Giao con chung Trần Mạnh H1, sinh ngày: 19/02/2023 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Công văn số 1623/QLXC-Đ1 ngày 18/11/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Bị đơn – anh Trần Văn V xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 13/5/2025 qua Sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã X, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Trần Văn V đăng ký thường trú tại thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Về tổng đạt văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh về địa chỉ, quan điểm của bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Anh Trần Văn V không đến Toà án làm việc, không gửi văn bản, tài liệu và người thân thích không hợp tác cũng như không cung cấp địa chỉ. Do đó, Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, thông báo thời gian tố tụng cho bị đơn bằng hình thức niêm yết quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời thông báo 03 (ba) số liên tiếp trên kênh V1 của Đ tiếng nói Việt Nam để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do). Căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn V tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 22/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã C), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ đăng ký số 31/2022. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Trần Văn V là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn V phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2023. Nguyên nhân do anh V thường xuyên đi lao động ở nước ngoài, tình cảm dần phai nhạt, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Chị H không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ... nhưng hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Trần Văn V không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng*”.

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*” (khoản 1 Điều 51); “*Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*” (khoản 1 Điều 56).

[2.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn V không còn. Vợ chồng sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Trần Thị H và anh Trần Văn V ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn V có 01 (một) con chung là Trần Mạnh H1, sinh ngày: 19/02/2023. Quá trình giải quyết vụ án, anh V không trình bày quan điểm về vấn đề con chung là tự từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Mặt khác, cháu Trần Mạnh H1 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, được học tập, vui chơi đầy đủ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, học tập của con chung, giao cháu Trần Mạnh H1 cho chị H trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, Điều 271,

khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H, sinh ngày: 11/6/1999, nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042199000507 và anh Trần Văn V, sinh ngày: 08/9/1998, nơi thường trú: Thôn B, xã X, tỉnh Hà Tĩnh, CCCD: 042098007516, hiện đang lao động tại nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào: Ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Mạnh H1, sinh ngày: 19/02/2023 cho chị Trần Thị H trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Anh Trần Văn V có quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị H đã nộp đủ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000218 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Can Lộc;
- Công an xã Can Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nữ Ngọc Diệp